TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2026.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông.

Ông Nguyễn Văn Dạng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 235/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Mỹ N, sinh ngày 16/6/1996 (vắng mặt).

Số căn cước 094196000000 ngày cấp 00/00/2022.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông Quách Anh N1, sinh ngày 01/01/1994 (vắng mặt).

Số căn cước 094094000000.

Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Thạch Thị Mỹ N trình bày: Bà và ông Quách Anh N1 có thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã P, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khi sinh con thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã hàn gắn nhưng không thành, cả hai quyết định sống ly thân từ cuối năm 2022. Vợ chồng có một người con chung là cháu Quách Tuệ

M, sinh ngày 17/4/2020 và hiện đang sống với bà. Trong thời gian sống ly thân bà với ông N1 không gặp nhau, đến khi nộp đơn khởi kiện thì bà có nhắn tin liên lạc thỏa thuận việc ly hôn với ông N1.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Quách Anh N1.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung Quách Tuệ M và không yêu cầu ông N1 cấp dưỡng cho con.

Tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng: Bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Quách Anh N1 vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy, Tòa án thông báo cho ông N1 biết việc bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con chung cháu Tuệ M nhưng ông N1 không có ý kiến, không đến tham gia phiên hòa giải chứng minh hôn nhân của hai người đã trầm trọng, ông N1 không mong muốn hàn gắn với bà N. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông N1. Đối với con chung đang sống với bà N nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho bà N nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng cho con và cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Mỹ N và ông Quách Anh N1 tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã P, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, bà Thạch Thị Mỹ N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau.

Tuy nhiên giữa bà Thạch Thị Mỹ N và ông Quách Anh N1 không còn sống chung với nhau, ông Quách Anh N1 đã được thông báo về việc bà Thạch Thị Mỹ N khởi kiện yêu cầu ly hôn, được triệu tập hòa giải nhưng ông Quách Anh N1 không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến cho thấy quan hệ giữa bà Thạch Thị Mỹ N và ông Quách Anh N1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị Mỹ N được ly hôn với Quách Anh N1.

[3] Về con chung: Bà Thạch Thị Mỹ N và ông Quách Anh N1 có một người con chung tên Quách Tuệ M, sinh ngày 17/4/2020 đang sống với bà N. Xét bà N yêu cầu được nuôi con chung, ông N1 đã được thông báo và không phản đối, đồng thời không có ý kiến hoặc yêu cầu khác về việc nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Ông N1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn bà Thạch Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Mỹ N được ly hôn với ông Quách Anh N1.

2. Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị Mỹ N được nuôi dưỡng con chung Quách Tuệ M, sinh ngày 17/4/2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Quách Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

4. Bà Thạch Thị Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Thạch Thị Mỹ N đã

nộp xong án phí theo biên lai thu số 0011544 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Vĩnh Lợi, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai